

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 99/2026/DS - ST

Ngày 28 - 8 - 2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

2. Bà Hoàng Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2026/TLST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Các nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M1 (JUPITER). Nay đổi tên thành: Công ty Cổ phần J1 (Theo Thông báo v/v thay đổi tên công ty số 21005/2026/TB-XLN- Jupiter ngày 15/5/2026). Địa chủ trụ sở: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại là các ông/ bà: Nguyễn Thị H, Lê Phúc L, Đào Tùng L1 – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng D, V, Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Bà H có mặt.

2. Ngân hàng TMCP V1 (V). Địa chỉ trụ sở: Tòa VPBank Tower, Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quảng Trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý tích hợp 2 – Khởi thu hồi và xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại là: Ông Hoàng Vũ L2 – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng B, V, Số E T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông L2 có mặt.

– Bị đơn: Ông Hồ Ngọc T1, sinh ngày: 04/3/1990. HKTT tại: Tổ dân phố B P (nay là Tổ dân phố P), phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2026, các bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ do các nguyên đơn cung cấp, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần J1 và Ngân hàng TMCP V1 (V) trình bày:***

Năm 2020, ông Hồ Ngọc T1 có nhu cầu vay vốn để mua xe ô tô. V đã thẩm định và đồng ý cho ông T1 vay theo Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011042977020 ngày 12/11/2020.

Theo Hợp đồng, số tiền vay là 524.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson, bản thường 2.0L AT, máy xăng, năm sản xuất 2020 để phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm, được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi chậm trả áp dụng theo thỏa thuận của các bên.

V đã giải ngân khoản vay cho ông T1. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã trả được nợ gốc 311.900.000 đồng và lãi 182.160.905 đồng. Sau đó ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không tiếp tục thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi theo cam kết; khoản vay được chuyển quá hạn từ ngày 15/07/2024.

Ngày 28/3/2025, V và Công ty Cổ phần M1 ký Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB -JUPITER và Phụ lục đính kèm. Theo đó, J mua một phần 95% khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011042977020; V tiếp tục sở hữu 5% khoản nợ còn lại. Việc chuyển giao bao gồm quyền đối với khoản nợ và quyền, nghĩa vụ liên quan trong phạm vi được chuyển giao.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson, biển số đăng ký 73A-184.76, số khung RLUC8W13BLN023691, số máy G4NALW693091, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Ngọc T1. Tài sản được thế chấp cho V theo Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô nêu trên.

Tại thời điểm khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2026, các nguyên đơn yêu cầu ông T1 thanh toán tổng số tiền 306.019.001 đồng, gồm nợ gốc 212.100.000 đồng và nợ

lãi, lãi chậm trả 93.919.001 đồng; trong đó J yêu cầu 290.718.051 đồng và V yêu cầu 15.300.950 đồng.

Tại phiên tòa ngày 28/8/2026, Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 (nay là Công ty Cổ phần J1) đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

+ Công ty Cổ phần J1 yêu cầu ông Hồ Ngọc T1 thanh toán 334.819.853 đồng (*bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm mười chín nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc 201.495.000 đồng, nợ lãi 133.324.853 đồng.

+ Ngân hàng TMCP V1 (V) yêu cầu ông Hồ Ngọc T1 thanh toán 17.622.098 đồng, trong đó nợ gốc 10.605.000 đồng, nợ lãi 7.017.098 đồng.

Như vậy, theo yêu cầu của các nguyên đơn, tổng số tiền ông Hồ Ngọc T1 phải thanh toán tính đến ngày 28/8/2026 là 352.441.951 đồng (*Bằng chữ: ba trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*).

+ Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày ông Hồ Ngọc T1 thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank/JUPITER.

Yêu cầu Tòa án tuyên: Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hồ Ngọc T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, VPBank/ JUPITER và có quyền xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của ông Hồ Ngọc T1 để thu hồi nợ cho VPBank/JUPITER, tài sản cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson, biển số đăng ký 73A-184.76, số khung RLUC8W13BLN023691, số máy G4NALW693091, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Ngọc T1.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông T1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho VPBank/JUPITER cho đến khi các khoản nợ được tất toán. Ông T1 phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

*** Đối với bị đơn:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập ông Hồ Ngọc T1 tham gia tố tụng, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp ngày 20/7/2026, ông T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

*** Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được:**

- Ngày 29/6/2026, Tòa án có Công văn số 3620/2026/CV-TA gửi Công an phường Đ về tình trạng cư trú của ông T1. Ngày 13/7/2026 Công an phường Đ có Công văn số 1281/CAP trả lời nội dung: “*Ông Hồ Ngọc T1, sinh ngày 04/3/1990 hiện còn đăng ký thường trú và cư trú tại địa chỉ Tổ dân phố B P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay ông T1 vẫn có mặt tại địa phương*”.

- Ngày 29/6/2026, Tòa án có Công văn số 3620/2026/CV-TA gửi Phòng Q – Công an tỉnh Q về xác nhận thông tin xuất nhập cảnh của ông Hồ Ngọc T1. Ngày 13/7/2026, Phòng QLXNC có Công văn số 3130/PA08 (Đ1) trả lời nội dung: “*Hồ Ngọc T1, sinh ngày 04/3/1990 tại thời điểm tra cứu không có thông tin xuất nhập cảnh*”.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm tại phiên tòa:**

- Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP V1 (V) ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011042977020 với ông Hồ Ngọc T1 để vay tiền mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân. Sau đó, Công ty Cổ phần M1 (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần J1), nhận chuyển giao 95% khoản nợ từ V theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER lập ngày 28/3/2025; V tiếp tục sở hữu 5% khoản nợ còn lại. Hợp đồng được giao kết giữa tổ chức tín dụng với cá nhân, mục đích vay vốn không nhằm mục đích kinh doanh, lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc tranh chấp dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hồ Ngọc T1 có nơi cư trú tại Tổ dân phố B P (nay là Tổ dân phố P), phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú, xuất nhập cảnh của ông Hồ Ngọc T1. Ngày 13/7/2026 Công an phường Đ có Công văn số 1281/CAP trả lời nội dung: “*Ông Hồ Ngọc T1, sinh ngày 04/3/1990 hiện còn đăng ký thường trú và cư trú tại địa chỉ Tổ dân phố B P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay ông T1 vẫn có mặt tại địa phương*”. Ngày 13/7/2026, Phòng QLXNC có Công văn số 3130/PA08 (Đ1) trả lời nội dung: “*Hồ Ngọc T1, sinh ngày 04/3/1990 tại thời điểm tra cứu không có thông tin xuất nhập cảnh*”. Trên cơ sở tài liệu xác minh về nơi cư trú của bị đơn, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường là đúng quy định pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã thực hiện việc thụ lý, thông báo thụ lý, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa trong thời hạn luật định. Tại phiên họp ngày 20/7/2026, bị đơn ông Hồ Ngọc T1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn ông Hồ Ngọc T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 116, 117, 280, 299, 317, 318, 320, 323, 351, 357, 365, 385, 398, 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần J1 và Ngân hàng TMCP V1 (V) đối với ông Hồ Ngọc T1.

Buộc ông Hồ Ngọc T1 phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2026 cho Công ty Cổ phần J1 và Ngân hàng TMCP V1 (V) là 352.441.951 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*), cụ thể:

+ Thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần J1) số tiền 334.819.853 đồng, trong đó: nợ gốc 201.495.000 đồng; nợ lãi 133.324.853 đồng.

+ Thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V) số tiền 17.622.098 đồng, trong đó: nợ gốc 10.605.000 đồng; nợ lãi 7.017.098 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2026), ông Hồ Ngọc T1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất, phương thức xác định và điều chỉnh lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011042977020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông T1 phải tiếp tục thanh toán cũng được điều chỉnh tương ứng theo thỏa thuận của các bên.

Trường hợp ông Hồ Ngọc T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M1 (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần J1) và Ngân hàng TMCP V1 (V) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson, biển số đăng ký 73A-184.76, số khung RLUC8W13BLN023691, số máy G4NALW693091, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Ngọc T1.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần J1) và Ngân hàng TMCP V1 theo phạm vi quyền đối với khoản nợ của mỗi bên. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm

không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ thì ông Hồ Ngọc T1 tiếp tục phải thanh toán phần còn thiếu cho các nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết nợ.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Hồ Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Hợp đồng được giao kết giữa tổ chức tín dụng với ông Hồ Ngọc T1 là cá nhân, mục đích vay vốn là mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân, không thể hiện mục đích lợi nhuận, nên quan hệ tranh chấp thuộc tranh chấp dân sự về hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Ngọc T1 có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị nên căn cứ quy định về thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là Công ty Cổ phần M1 (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần J1) và Ngân hàng TMCP V1 (V) có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông Hồ Ngọc T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân Khu vực 1 quyết định xét xử vắng mặt đương sự Hồ Ngọc T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

** Xét tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô:*

Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011042977020 được giao kết giữa V và ông Hồ Ngọc T1 trên cơ sở tự nguyện; nội dung, mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; các bên có năng lực chủ thể phù hợp. Vì vậy, Hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

V đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho ông T1. Ông T1 đã thực hiện trả một phần nợ gốc và lãi nhưng sau đó không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết, dẫn đến khoản vay bị chuyển quá hạn. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán thêm các khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, có căn cứ xác định ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

** Xét việc chuyển giao khoản nợ và quyền yêu cầu thanh toán:*

Ngày 28/3/2025, V và Công ty Cổ phần M1 ký Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB - JUPITER và phụ lục kèm theo. Hồ sơ thể hiện V chuyển giao cho J 95% khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay cùng các quyền, nghĩa vụ liên quan trong phạm vi chuyển giao; V tiếp tục là chủ nợ đối với 5% khoản nợ còn lại. Việc chuyển giao khoản nợ không làm chấm dứt nghĩa vụ trả nợ của ông T1. Do đó, J và V có quyền yêu cầu ông T1 thanh toán tương ứng với phần quyền đối với khoản nợ mà mỗi bên đang sở hữu.

** Xét yêu cầu trả nợ của các nguyên đơn:*

Theo tài liệu do các nguyên đơn cung cấp, quá trình giải ngân, thu nợ, theo dõi khoản vay và chuyển giao khoản nợ phù hợp với hồ sơ tín dụng. Bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối và không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/8/2026, J yêu cầu ông T1 thanh toán 334.819.853 đồng, gồm nợ gốc 201.495.000 đồng và nợ lãi 133.324.853 đồng; V yêu cầu thanh toán 17.622.098 đồng, gồm nợ gốc 10.605.000 đồng và nợ lãi 7.017.098 đồng. Tổng cộng số tiền các nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Ngọc T1 phải trả là 352.441.951 đồng. Xét yêu cầu này phù hợp với chứng cứ về dư nợ do nguyên đơn giao nộp và không có chứng cứ phản đối từ bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2026), ông Hồ Ngọc T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất, phương thức xác định và điều chỉnh lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ. Trường hợp Hợp đồng có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục phải thanh toán cũng được điều chỉnh tương ứng theo thỏa thuận.

** Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:*

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông Hồ Ngọc T1 đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson, biển số đăng ký 73A-184.76, số khung RLUC8W13BLN023691, số máy G4NALW693091. Hồ sơ thể hiện có biên bản định giá tài sản, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm; không có tài liệu thể hiện giao dịch bảo đảm bị vô hiệu. Khi 95% quyền đối với khoản nợ được chuyển giao cho J thì quyền đối với biện pháp bảo đảm được thực hiện trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được chuyển giao. Vì vậy, trường hợp ông T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Hồ Ngọc T1 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho các nguyên đơn cho đến khi hết nợ.

[2.2] Về án phí:

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hồ Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thanh toán là 17.622.097 đồng (*Bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng*). Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 318.770 đồng (*bằng chữ: Ba trăm mười tám nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001890 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M1 (Nay đổi tên thành: Công ty Cổ phần J1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.065.638 đồng (*bằng chữ: Sáu triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001893 ngày 24/4/2026 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001903 ngày 28/4/2026

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 116, 117, 280, 299, 317, 318, 320, 323, 351, 357, 365, 385, 398, 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng điều chỉnh quan hệ cấp tín dụng tại thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M1 (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần J1) và Ngân hàng TMCP V1 (V) đối với ông Hồ Ngọc T1.

Buộc ông Hồ Ngọc T1 phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2026 cho Công ty Cổ phần J1 và Ngân hàng TMCP V1 (V) là 352.441.951 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*), cụ thể:

- Trả cho Công ty Cổ phần J1 số tiền 334.819.853 đồng, trong đó: nợ gốc 201.495.000 đồng; nợ lãi 133.324.853 đồng.

- Trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V) số tiền 17.622.098 đồng, trong đó: nợ gốc 10.605.000 đồng; nợ lãi 7.017.098 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/8/2026), ông Hồ Ngọc T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất, phương thức xác định lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2011042977020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp Hợp đồng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Trường hợp ông Hồ Ngọc T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Công ty Cổ phần J1 và Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson, biển số đăng ký 73A - 184.76, số khung RLUC8W13BLN023691, số máy G4NALW693091, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Ngọc T1.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán cho các nguyên đơn theo tỷ lệ phạm vi quyền đối với khoản nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ thì ông Hồ Ngọc T1 tiếp tục phải thanh toán phần còn thiếu cho đến khi hết nợ.

2. Về án phí:

Ông Hồ Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thanh toán là 17.622.097 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng).

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 318.770 đồng (bằng chữ: Ba trăm mười tám nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001890 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M1 (Nay đổi tên thành: Công ty Cổ phần J1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.065.638 đồng (bằng chữ: Sáu triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001893 ngày 24/4/2026 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001903 ngày 28/4/2026

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; trường hợp có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng